

Số: 852 /CSDP - KTTV

Ngày 12 tháng 08 năm 2025

V/v giải trình báo cáo kết quả kinh doanh
hợp nhất giữa niên độ năm 2025

Kính gửi:

- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ NĂM 2025
(ĐÃ SOÁT XÉT)

STT	CHỈ TIÊU	Mã Số	06 THÁNG NĂM 2024	06 THÁNG NĂM 2025	CHÊNH LỆCH	%
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	419.357.783.872	404.156.954.900	(15.200.828.972)	96,38
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2	18.950.000	20.767.593	1.817.593	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	419.338.833.872	404.136.187.307	(15.202.646.565)	96,37
4	Giá vốn hàng bán	11	290.336.700.861	241.902.762.392	(48.433.938.469)	83,32
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	129.002.133.011	162.233.424.915	33.231.291.904	125,76
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	45.982.831.159	48.929.746.615	2.946.915.456	106,41
7	Chi phí tài chính	22	2.440.522.659	1.632.669.136	(807.853.523)	66,90
	Trong đó : Chi phí lãi vay	23			-	
8	Chi phí bán hàng	24	8.672.639.543	6.267.147.771	(2.405.491.772)	72,26
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	36.552.019.665	42.777.519.644	6.225.499.979	117,03
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh { 30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25) }	30	127.319.782.303	160.485.834.979	33.166.052.676	126,05
11	Thu nhập khác	31	61.363.722.949	21.281.245.939	(40.082.477.010)	34,68
12	Chi phí khác	32	12.268.098.393	8.121.195.977	(4.146.902.416)	66,20
13	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	49.095.624.556	13.160.049.962	(35.935.574.594)	26,80
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (=30+40)	50	176.415.406.859	173.645.884.941	(2.769.521.918)	98,43
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34.262.863.937	35.175.978.863	913.114.926	102,67
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	436.408.492	301.310.621	(135.097.871)	69,04
17	Tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	141.716.134.430	138.168.595.457	(3.547.538.973)	97,50
18	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	125.292.958.388	118.023.634.667	(7.269.323.721)	94,20
19	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	16.423.176.042	20.144.960.790	3.721.784.748	122,66
20	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	1.180	1.358		
21	Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	1.180	1.358		

Giải Trình:

Trong 06 tháng năm 2024: Sản lượng tiêu thụ là: 2.758,62 tấn; Giá bán bình quân: 41.880.456 VND/tấn.

Trong 06 tháng năm 2025: Sản lượng tiêu thụ là: 3.010,51 tấn; Giá bán bình quân: 54.804.027 VND/tấn.

Do:

- + Sản lượng tiêu thụ 06 tháng năm 2025 cao hơn 06 tháng năm 2024. Và giá bán bình quân cao hơn 06 tháng năm 2024. (giá bán bình quân 06 tháng năm 2025 tăng: 12.923.571VND/tấn hay tăng: 30,86 % so với 06 tháng năm 2024).
- + Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh 06 tháng năm 2025 tăng: 33.166.052.676 VND hay tăng 26,05% so với 06 tháng năm 2024.
- + Lợi nhuận khác 06 tháng năm 2025 giảm: 35.935.574.594 VND hay giảm: 73,20% so với 06 tháng năm 2024.

Do đó, lợi nhuận sau thuế 06 tháng năm 2025 giảm: 3.547.538.973 VND hay giảm: 2,50% so với 06 tháng năm 2024.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, N.Vu (b)

TỔNG GIÁM ĐỐC



Hồ Cường